

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỜ ĐỎ  
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/12/2021.

V/v tranh chấp “Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L  
với anh Phan Minh C”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Đào Thanh Huỳnh.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Lê Văn Thừa.

2. Ông Lương Hùng Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phi Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa:***  
Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ C số: 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Th 1, xã Tr, huyện C, thành phố C.

- ***Bị đơn:*** Anh Phan Minh C, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Th 1, xã Tr, huyện C, thành phố C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 05 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:* Năm 2016, do mai mối và sau thời gian tìm hiểu nhau, chị và anh Phan Minh C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung cháu Phan Minh Tuấn K, sinh ngày 02/8/2017, hiện cháu K đang sống cùng với anh C. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh C không quan tâm gia đình, vợ con, trong khi đó gia đình bên chồng không yêu thương và thường xúc phạm đến chị, do không chịu được nên từ tháng 03/2021 chị và con bỏ về cha mẹ ruột sinh sống, sau đó gia đình bên chồng qua mang lại cháu K về nhà bên chồng sinh sống cho đến nay. Nay tình cảm vợ,

chồng không còn, không ai quan tâm đến ai. Vợ, chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung và nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị đồng ý giao cháu Phan Minh Tuấn K, sinh ngày 02/8/2017 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị rút yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có.

*Tại phiên tòa anh Phan Minh C vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, anh C trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian tiến tới hôn nhân, con chung, nghĩa vụ chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị L cương quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

- Về con chung và nuôi con chung: Anh đồng ý nuôi cháu Phan Minh Tuấn K, sinh ngày 02/8/2017 đến tuổi trưởng thành, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ C vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn, anh C đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị được ly hôn với anh C; Về con chung: Giao con chung cháu Phan Minh Tuấn K, sinh ngày 02/8/2017 cho anh C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về nghĩa vụ chung: Không có; Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung do nguyên đơn rút yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Ly hôn ”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Bị đơn anh Phan Minh C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ C do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặt anh C.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị L và anh C là hợp pháp. Anh, chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ, chồng cũng có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án phía anh C cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh C là phù hợp.

[3] *Về con chung và nuôi con chung*: Vợ, chồng có 01 con chung, cháu Phan Minh Tuấn K, sinh ngày 02/8/2017. Tại phiên tòa, chị L đồng ý giao con chung cháu K cho anh C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: Anh Phan Minh C xác định tài sản chung không có, trong khi chị L xác định tài sản chung gồm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter trị giá 25.000.000đồng, 05 chỉ vàng 24k trị giá 26.000.000đồng do mẹ chồng đang quản C. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử có căn cứ đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là phù hợp.

[5] *Về nghĩa vụ chung*: Chị L và anh C xác định không có.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản C và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L được miễn 637.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 013690 ngày 26/5/2021, chị L được nhận lại 337.000đồng án phí còn thừa và được nhận lại 637.000đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản tài sản chung theo biên lai thu số 013691 ngày 26/5/2021.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản C và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L với anh Phan Minh C.

2. *Về con chung và nuôi con chung*: Vợ, chồng có 01 con chung, cháu Phan Minh Tuấn K, sinh ngày 02/8/2017. Công nhận chị L đồng ý giao con chung cháu Phan Minh Tuấn K, sinh ngày 02/8/2017 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị L, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì anh C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị L.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung do nguyên đơn rút yêu cầu.

4. *Về nghĩa vụ chung*: Chị L và anh C xác định không có.

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị L được căn trừ 637.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 013690 ngày 26/5/2021, chị L được nhận lại 337.000 đồng án phí còn thừa và được nhận lại 637.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản tài sản chung theo biên lai thu số 013691 ngày 26/5/2021.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký )

**Đào Thanh Huỳnh**